

Bản án số: 03 /2019/HS - ST

Ngày 16/1/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tiên Viễn

Bà Trần Thị Mão

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Xuân Ngọc- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Mô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên mô tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Quỳnh Loan- Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2018/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04 /2019/QĐXXST - HS ngày 4 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:1.

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985 tại xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 3, thôn H, xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thành H và bà Bùi Thị S; vợ, con: chưa có; tiền sự: Ngày 07/10/2018 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 196/QĐ – XPVPHC của Công an huyện Kim Sơn với số tiền 2.000.000đ; tiền án: Tại bản án số 31/2018/HSST ngày 23/11/2018 Bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xử phạt 18 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo đang chấp hành bản án số 31/2018/HSST ngày 23/11/2018 tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình từ ngày 08/9/2018. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Lê Văn T2** - sinh năm 1990; Nơi đăng ký HKTT: Xóm Vạn, Liên Phương, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa

9/12. Con ông Lê Văn Q - sinh năm 1967; con bà Phạm Thị D - sinh năm 1967; gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ Nguyễn Thị Phương N (đã ly hôn); con: có một con sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 277 ngày 23/10/2017 Công an huyện Yên Mô phạt 2.000.000đ về hành vi “gây thương tích cho người khác”. Bị cáo đã chấp hành xong; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp “cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 68 ngày 20/10/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mô.

***Người bị hại:** Chị Vũ Thị L - sinh năm 1977, anh Phạm Văn C - sinh năm 1975; trú tại Xóm C, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình - Vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** anh Lê Hữu T - sinh năm 1987; trú tại xóm 5b, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 29/8/2018 Lê Văn T2 điều khiển xe mô tô Honda Wave BKS 35 B2 - 250.44 của T2 đến nhà Nguyễn Văn T chơi. T nói “Đợt này đang thiếu tiền tiêu, anh em mình xem nhà nào có đồ thì trộm bán lấy tiền tiêu đi”. T2 đồng ý. T2 điều khiển xe của mình chở T đi tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp. Đến 18 giờ 45 phút cùng ngày đến cầu Nuôn thuộc xóm Cầu, xã Yên Từ, huyện Yên Mô thì phát hiện phía bên trái đường có ngôi nhà trông coi nằm trong khu vườn của gia đình chị Vũ Thị L không có người trông coi, cửa cổng vào vườn mở. T2 điều khiển xe qua cổng vào trong và dừng xe phía trước ngôi nhà quan sát phía trước hiên nhà có 1 chiếc hòm kim loại dạng trụ tròn không khóa cao 45cm, đường kính 90cm đặt cạnh cửa sổ, bên trong hòm có 01 chiếc Đáy đã qua sử dụng dùng để bắt cá tôm làm bằng nylon, nặng 30kg, dạng hình ống phễu, dài 20m, chiều rộng miệng Đáy là 8m, chiều rộng bụng Đáy là 5m; chiều rộng chân Đáy là 0.5m. T, T2 cùng bê chiếc Đáy lên đặt trên yên xe mô tô của T2. Sau đó T2 điều khiển xe chở T ôm chiếc Đáy đi tìm người để bán. Khi đến xã Y, huyện Y thì gặp anh Lê Hữu T sinh năm 1987 trú tại xóm 5b, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Tuyển hỏi anh Tâm “anh có mua Đáy không”. Anh Tâm nói “Đáy ở đâu thế”, T trả lời “Đáy của nhà em giờ không dùng nữa nên đem đi bán”. Xem chiếc đáy còn sử dụng được nên anh T đồng ý mua với giá 450.000đ vào giao tiền cho T. T, T2 đã cùng nhau tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 13/9/2018 anh Lê Hữu T đến cơ quan điều tra Công an huyện Yên Mô giao nộp chiếc Đáy anh Tâm đã mua của T, T2.

Ngày 3/10/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra ra yêu cầu định giá tài sản chiếc Đáy T, T2 trộm cắp. Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/ĐGTS ngày 4/10/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Mô kết luận: Chiếc Đáy dùng để bắt cá làm bằng nylon nặng 30kg dạng hình ống phễu, dài 20m, chiều rộng miệng Đáy 8m; chiều rộng bụng Đáy 5m; chiều rộng thân Đáy 0,5m tại thời điểm ngày 29/8/2018 trị giá là 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mô đã trả lại cho vợ chồng chị Vũ Thị L và anh Phạm Văn C chiếc Đáy. Lê Văn T đã trả lại cho anh Lê Hữu Tâm số tiền 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 05/CT - VKS ngày 24/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô đã truy tố Nguyễn Văn T, Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố để xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn T2 về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 - Điều 51, Điều 38, khoản 1 - Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T từ 6 tháng tù đến 9 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại bản án số 31/2018/HSST ngày 23/11/2018 Bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mô. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 24 tháng đến 27 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 8/9/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T2 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Yên Mô, điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người

tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn T2 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 29/8/2018 Nguyễn Văn T và Lê Văn T2 đã lợi dụng lúc gia đình chị Vũ Thị L, anh Phạm Văn C vắng nhà, Nguyễn Văn T, Lê Văn T2 đã lén lút lấy trộm 01 chiếc Đáy dùng để bắt tôm cá. Theo bản kết luận định giá tài sản ngày 4/10/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện Yên Mô kết luận giá trị của chiếc xe Đáy do Nguyễn Văn T và Lê Văn T2 trộm cắp có giá trị là 7.200.000.000đ (bảy triệu hai trăm ngàn đồng). Các bị cáo T, T2 là người có đủ năng lực hành vi, nhận thức được pháp luật nghiêm cấm hành vi xâm phạm sở hữu tài sản của công dân nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của Nguyễn Văn T, Lê Văn T2 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 - Điều 173 Bộ luật hình sự

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản :

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

... ”

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn T2 về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân là nguyên nhân gây nên nhiều tội phạm khác. Do vậy đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử và áp dụng hình phạt đối với các bị cáo là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về vai trò của các bị cáo: Nguyễn Văn T là người khởi xướng rủ Lê Văn T2 đi trộm cắp nên Nguyễn Văn T được xác định có vai trò đầu trong vụ án, Lê Văn T2 sau khi được T rủ đi trộm cắp đã hưởng ứng và cùng Nguyễn Văn T thực hiện hành vi trộm cắp nên được xác định có vai trò thứ hai trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận, tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 - Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T2 sau khi phạm tội đã tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, lần phạm tội này của bị cáo là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình thuộc hộ cận nghèo, bị cáo đã ly hôn vợ và đang trực tiếp nuôi con nhỏ nên bị cáo T2 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i khoản 1 - Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Tuyển có bố là người có công với cách mạng đã được tặng thưởng Huân chương chiến công và là thương binh loại 4/4.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, Bị cáo T sau khi thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị Công an huyện Kim Sơn phạt 2.000.000đ (hai triệu đồng) về hành vi “trộm cắp tài sản”. Bị cáo T2 có tiền sự về hành vi gây thương tích cho người khác.

[6] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T là người rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo có nhân thân xấu đang phải chấp hành hình phạt tù ở bản án khác. Do vậy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và có tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Lê Văn T2 tham ra phạm tội ở vai trò bị rủ rê, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại, Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 - Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn vợ và đang trực tiếp nuôi con nhỏ. Bị cáo có

nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cũng đủ để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[7] Về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án:

Tại bản án số 31/2018/HSST ngày 23/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Yên Mô đã xử phạt Nguyễn Văn T 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Căn cứ Điều 55, 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 18 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” tại bản án số 31/2018/HSST ngày 23/11/2018 với hình phạt tại bản án nay. Buộc bị cáo Tuyên phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Phạm Văn C và chị Vũ Thị L đã nhận tại tài sản là chiếc Đáy. Quá trình điều tra anh C, chị L không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm.

Anh Lê Văn T đã được bị cáo Lê Văn T trả lại số tiền mua Đáy là 450.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu bồi thường gì khác. Do vậy về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu 01 chiếc Đáy do anh Lê Hữu T đã giao nộp. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mô xác định chiếc Đáy là tài sản thuộc quyền sở hữu của Chị Vũ Thị L, anh Phạm Văn C, cơ quan điều tra đã trả lại cho vợ chồng chị Vũ Thị L và anh Phạm Văn C là đúng pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 35B2 - 250.44 mà T2, T dùng vào việc phạm tội T2 đã bán cho người không quen biết nên cơ quan điều tra không thu giữ được, cần tách ra để xử lý sau.

[10] Án phí hình sự: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp án phí và quản lý sử dụng án phí. Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 - Điều 51, Điều 136 Bộ luật hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn T2. (Bị cáo Lê Văn T2 được áp dụng thêm điểm b, i - khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T áp dụng thêm Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự)

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Xử phạt:

Nguyễn Văn T **9 (chín) tháng** tù.

Tổng hợp hình phạt **18 (mười tám) tháng** tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại bản án số 31/2018/HSST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **27 (hai bảy) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 8/9/2018.

- Xử phạt Lê Văn T2 **12 (mười hai) tháng** cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Lê Văn T2 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

4. Án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình (1).
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- VKSND huyện Yên Mô (1).
- Công an huyện Yên Mô (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Cơ quan THA hình sự huyện Yên Mô (1).
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Ninh Bình.
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Mô (1)
- Các bị cáo (2)
- Người có QLNV liên quan (1).
- Lưu hồ sơ.
- Lưu VP (1)

Nguyễn Thị Hoa

